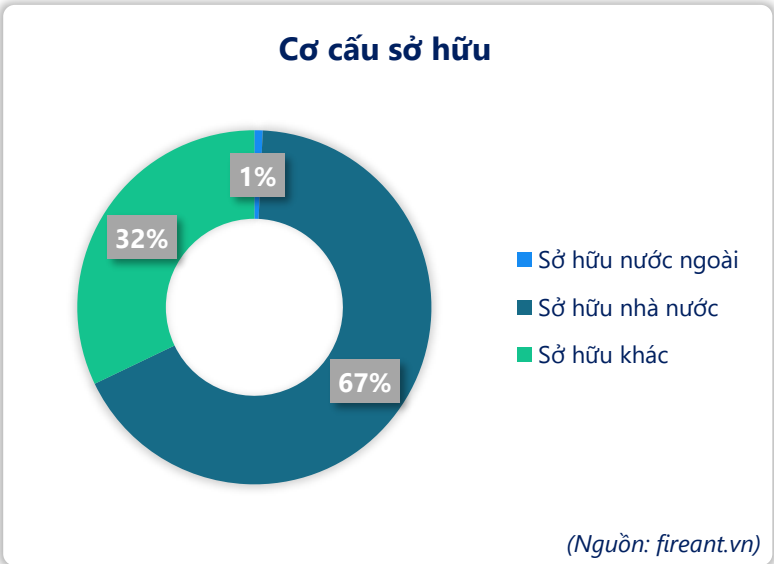
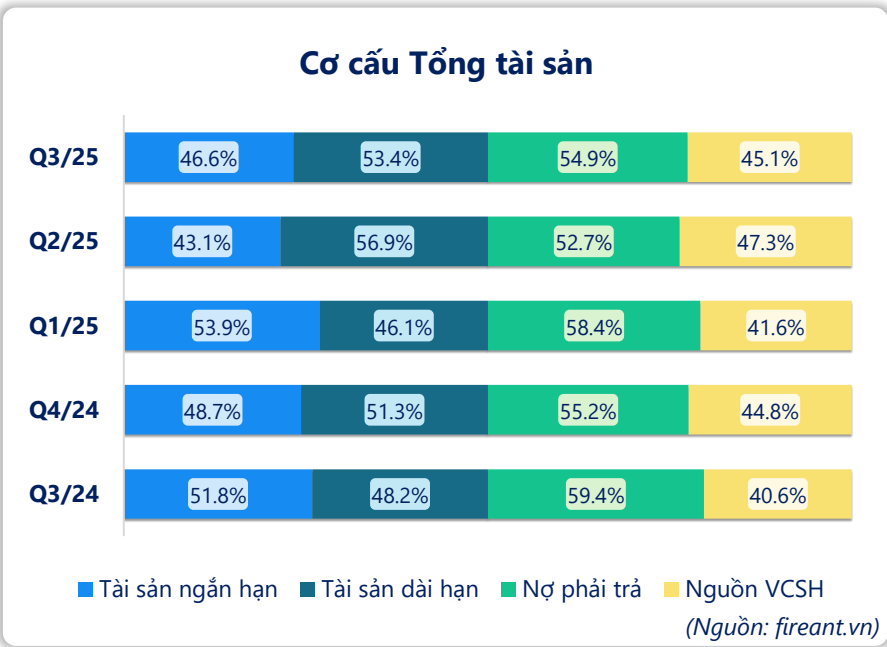
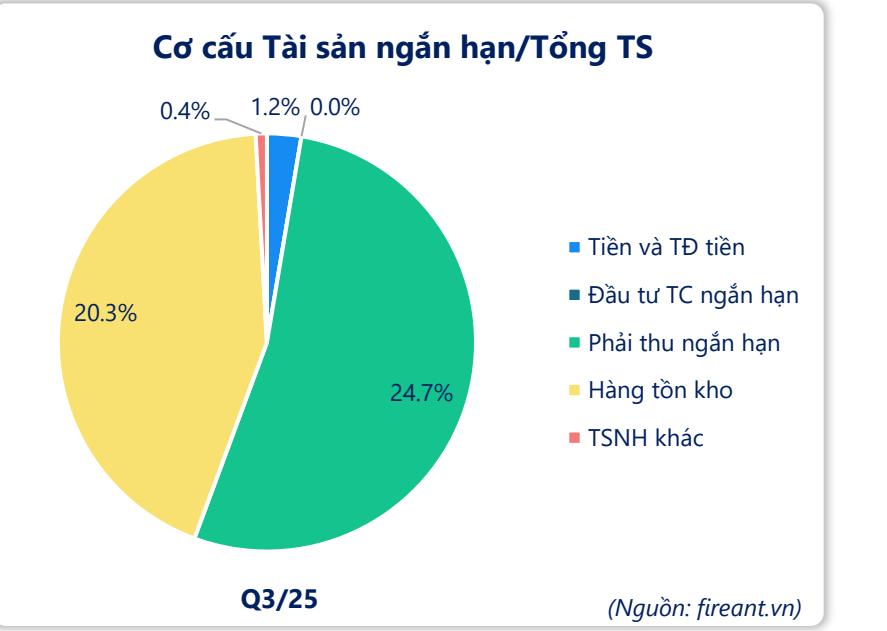
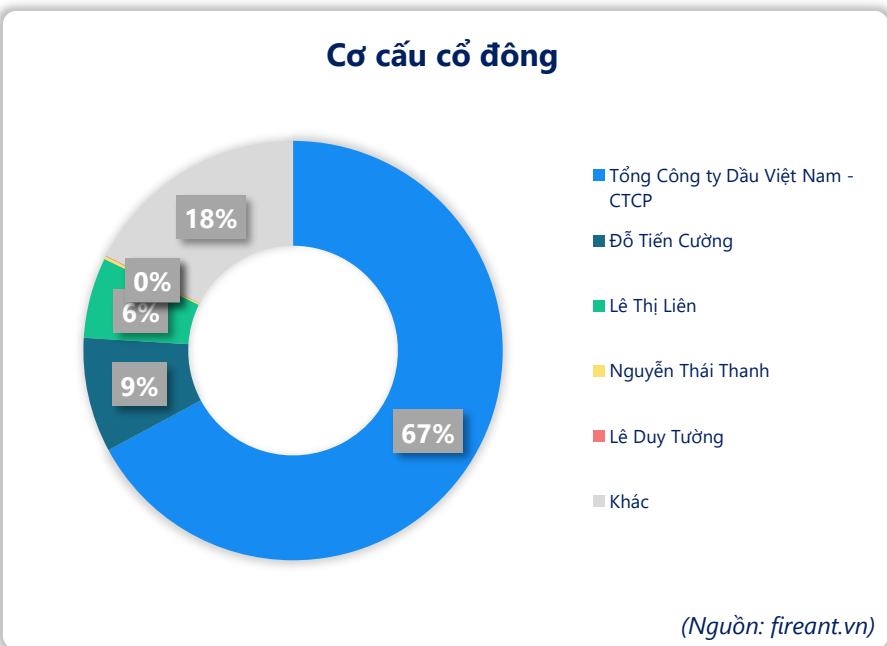
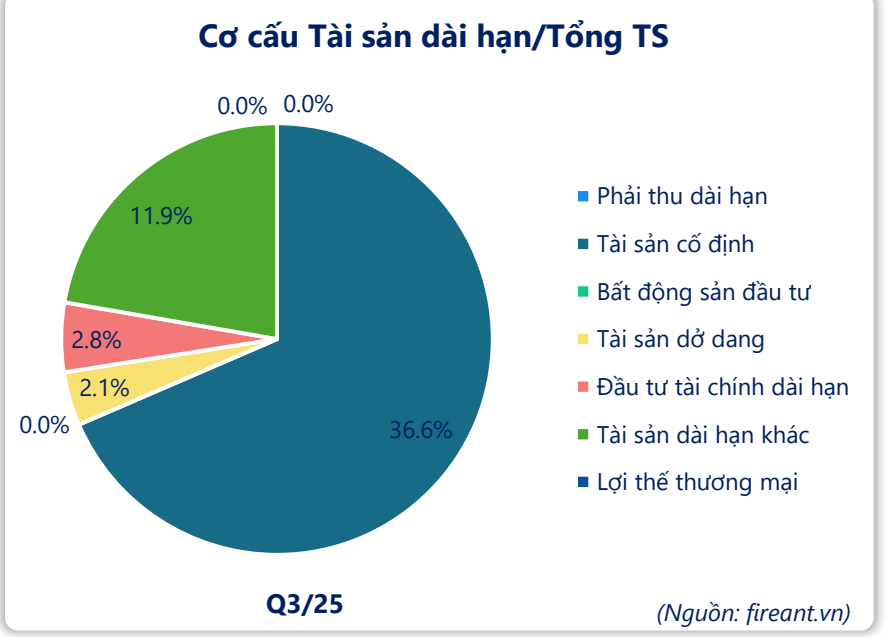
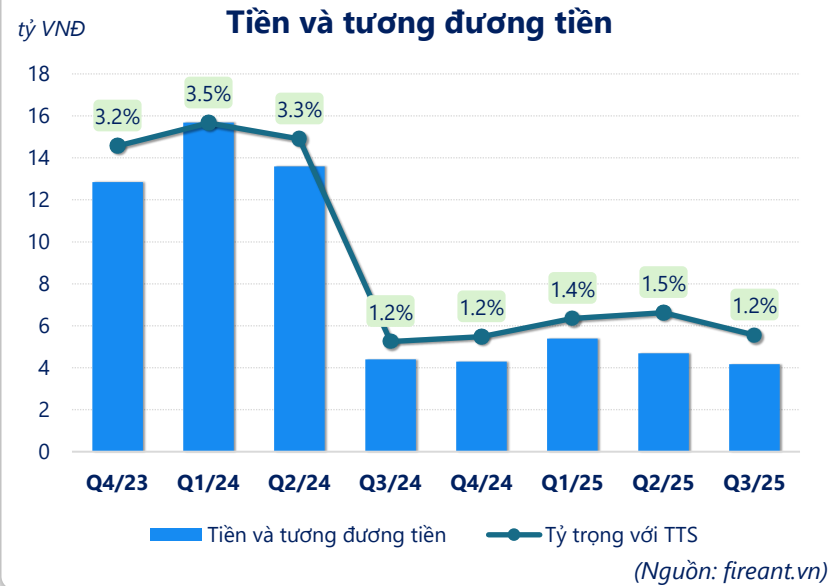
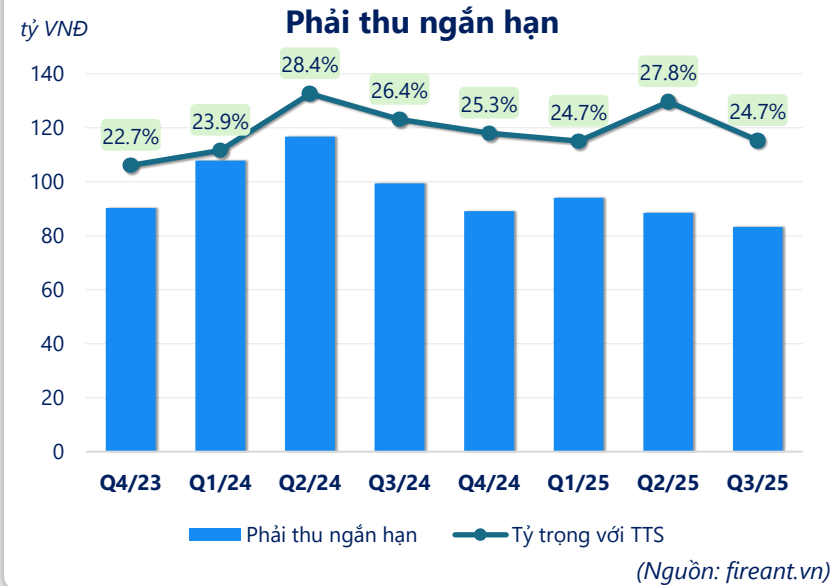
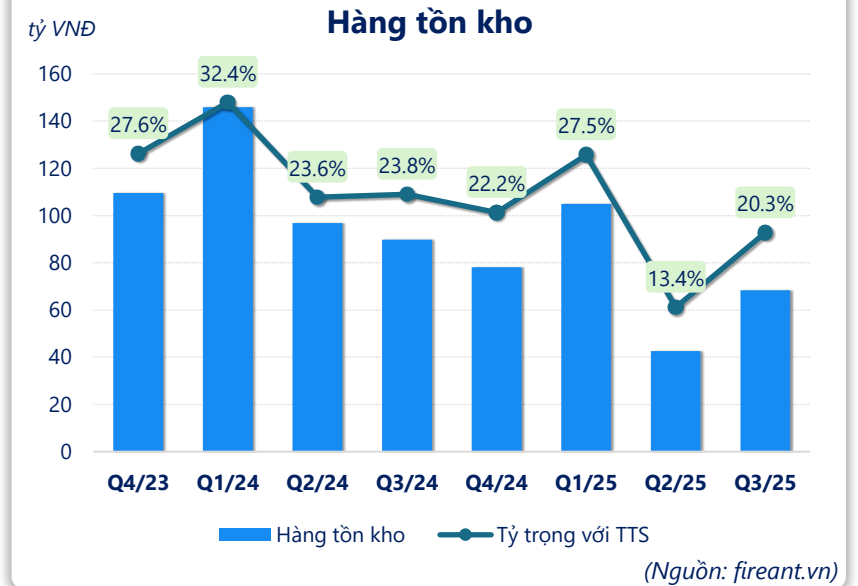
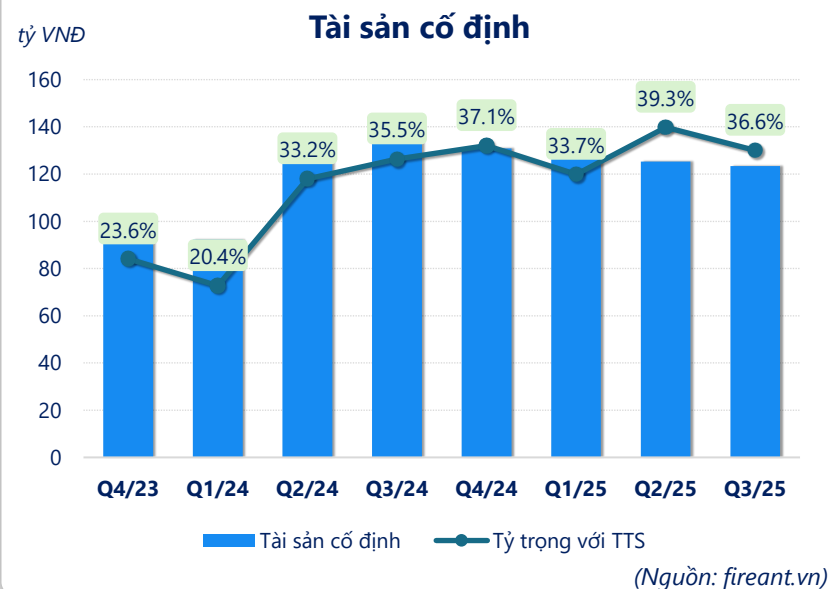
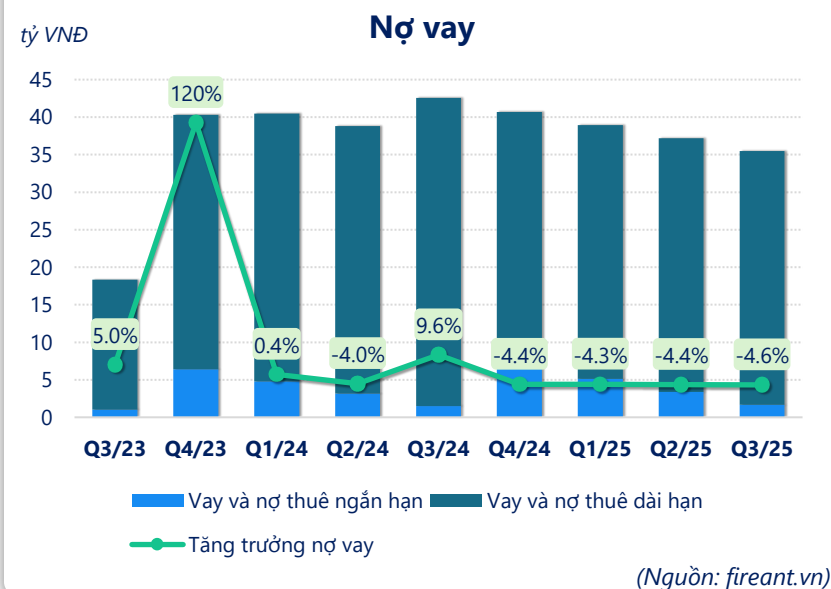
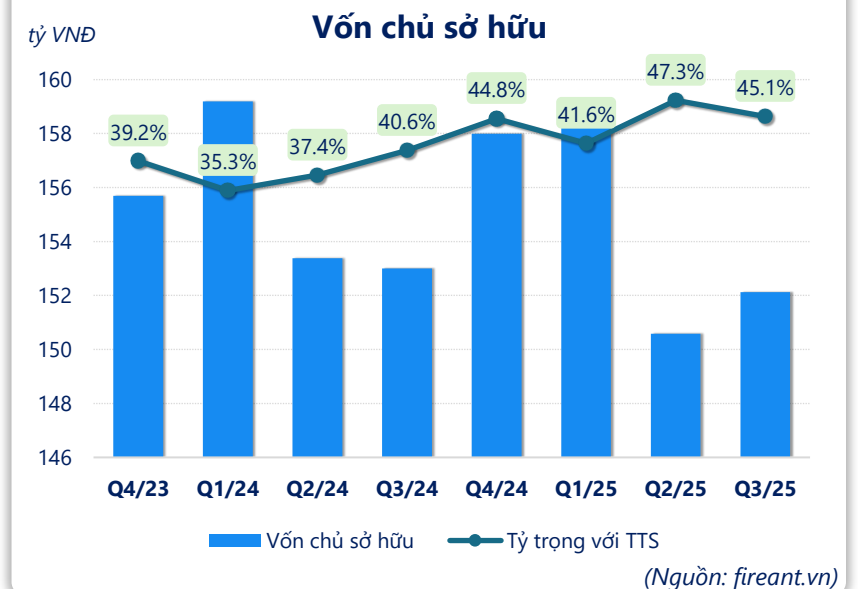
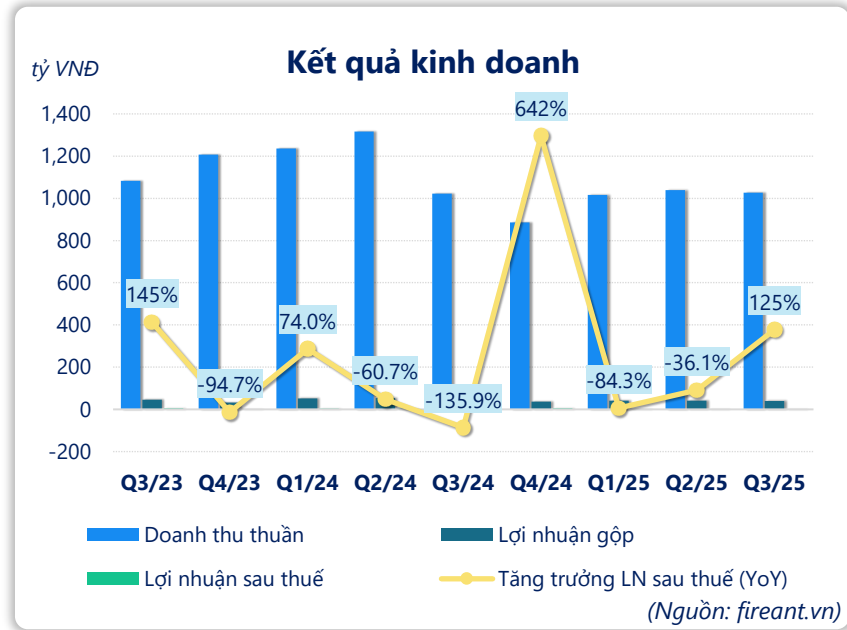
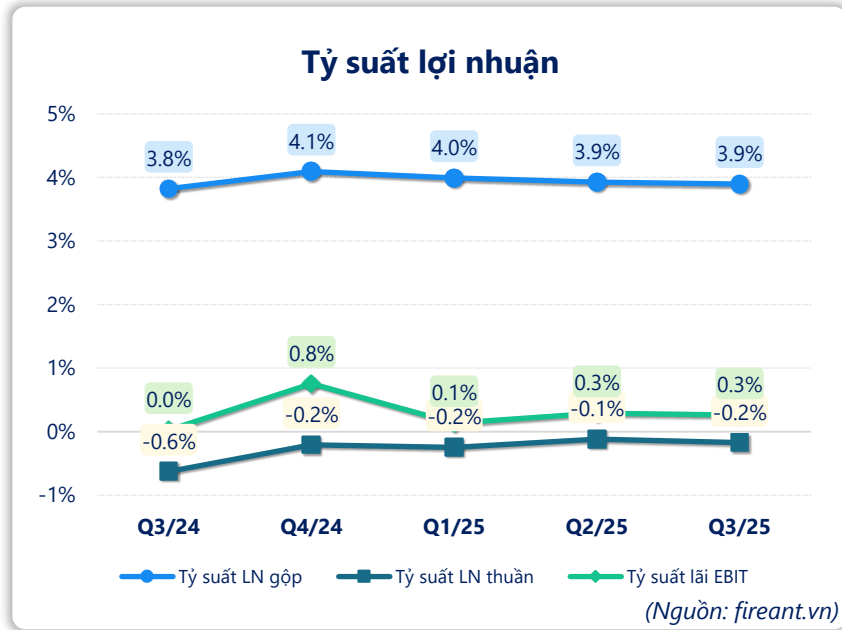
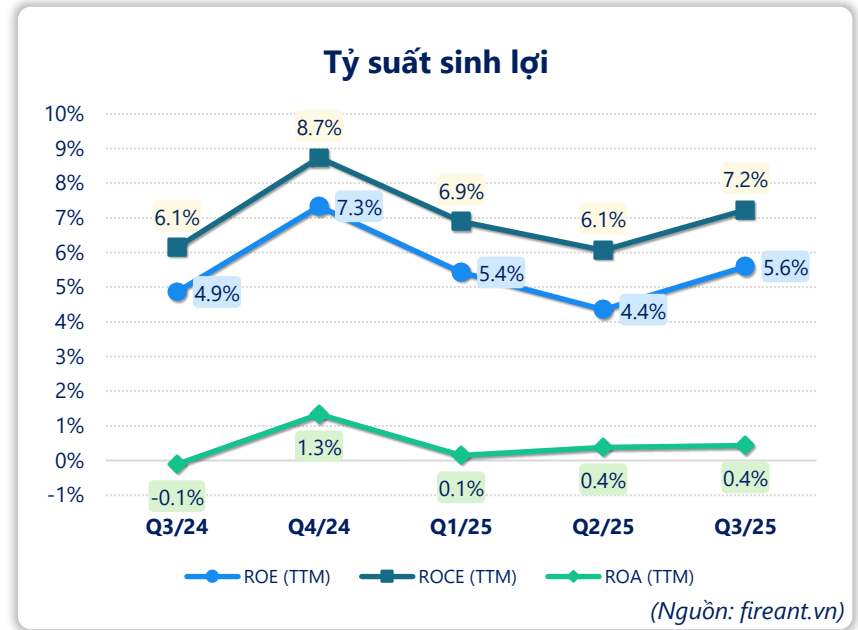
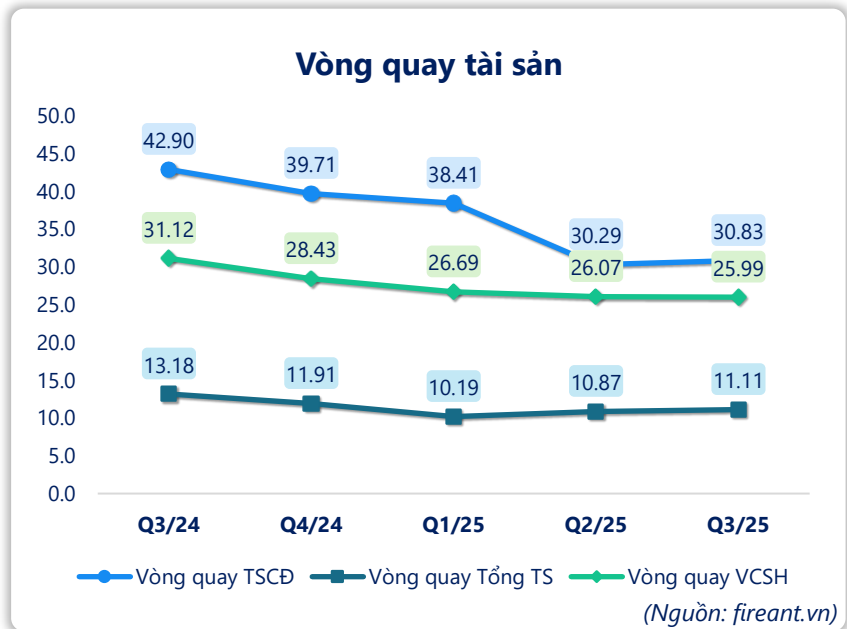
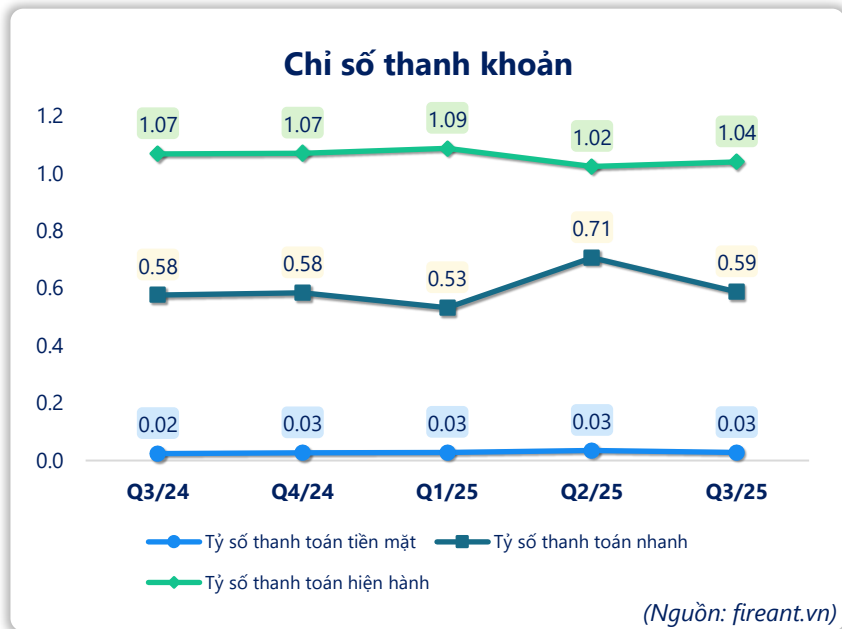
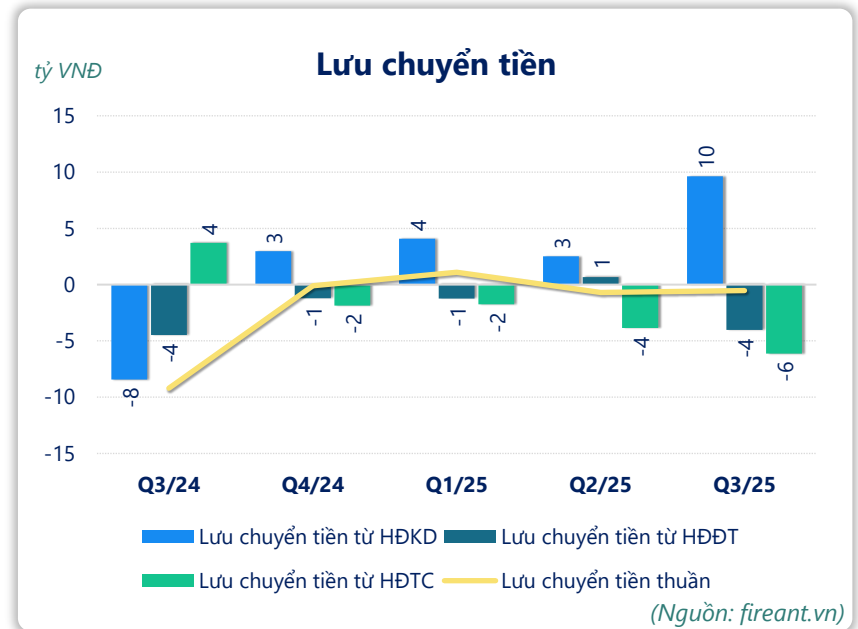


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,097
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,688
SL cổ phiếu LH		9,343,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,110
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		84
P/E		9.8
EPS		914

	YTD	1T	3T	6T
PPY	2.3%	0.0%	-3.2%	8.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	337	352	-4.3%
Tài sản ngắn hạn	157	172	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	4.16	4.28	-2.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.3	89.1	-6.5%
Hàng tồn kho	68.4	78.1	-12.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	0.29	375%
Tài sản dài hạn	180	180	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	123	131	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.22	3.36	115%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.36	9.36	0.0%
Tài sản dài hạn khác	40.1	36.9	8.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	185	194	-4.7%
Nợ ngắn hạn	151	160	-5.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.66	6.87	-75.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.6	103	-15.0%
Nợ dài hạn	33.8	33.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.8	33.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	158	-3.7%
Vốn chủ sở hữu	152	158	-3.7%
Vốn điều lệ	93.4	93.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,023	885	1,016	1,038	1,026
Giá vốn hàng bán	984	849	976	997	986
Lợi nhuận gộp	39.1	36.2	40.6	40.7	40.0
Doanh thu HĐTC	0.64	0.45	0.46	3.46	0.54
Chi phí TC	0.78	0.80	0.67	0.70	0.67
Chi phí lãi vay	0.78	0.80	0.67	0.70	0.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	36.7	28.2	33.9	36.4	34.1
Chi phí QLDN	8.68	9.51	8.91	8.34	7.56
LN thuần từ HĐKD	-6.41	-1.85	-2.50	-1.22	-1.78
Lợi nhuận khác	5.89	7.73	3.19	3.55	3.77
LN trước thuế	-0.52	5.87	0.69	2.33	1.99
Lợi nhuận sau thuế	-0.39	5.00	0.62	1.39	1.54
LNST của CĐ cty mẹ	-0.39	5.00	0.62	1.39	1.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.44	2.96	4.09	2.50	9.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.48	-1.21	-1.24	0.67	-4.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.71	-1.86	-1.75	-3.86	-6.12
Tiền đầu kỳ	13.6	4.39	4.28	5.38	4.69
Lưu chuyển tiền thuần	-9.20	-0.11	1.10	-0.69	-0.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.39	4.28	5.38	4.69	4.16

(Nguồn: fireant.vn)